

TỔNG QUAN Ý KIẾN KIỂM TOÁN TIẾP CẬN THEO PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH TRẮC LƯỢNG THƯ MỤC

OVERVIEW OF AUDIT OPINION RESEARCH USING BIBLIOMETRIC ANALYSIS

Phạm Thị Thu Oanh^{1,*},
Hoàng Thị Việt Hà¹, Đặng Ngọc Hùng²

DOI: <https://doi.org/10.57001/huih5804.2025.233>

TÓM TẮT

Nghiên cứu ý kiến kiểm toán đóng một vai trò quan trọng vì thông tin báo cáo tài chính là một nguồn cung cấp thông tin hữu ích và không thể thiếu nhằm kết nối doanh nghiệp với nhà đầu tư. Bài báo này cung cấp thông tin rộng rãi về ý kiến kiểm toán, bao gồm các tác giả, tạp chí, quốc gia và tài liệu tham khảo. Sử dụng nguồn dữ liệu Scopus từ năm 1979 đến 28/3/2024 với 834 nghiên cứu về ý kiến kiểm toán để phân tích trắc lượng thư mục và nội dung với sự hỗ trợ của phần mềm VOSviewer kết hợp với phần mềm Python. Kết quả thứ nhất, bài báo đã xác định các tạp chí, bài báo, quốc gia và từ khóa hàng đầu dựa trên các số liệu đo lường thư mục khác nhau. Thứ hai, bài báo cũng chỉ rằng bằng cách sử dụng mô hình hóa chủ đề nghiên cứu thể hiện trong bối cảnh chính trong việc nghiên cứu về ý kiến kiểm toán. Tuy nhiên, nghiên cứu này chỉ sử dụng nguồn dữ liệu từ Scopus nên kết quả phân tích có thể chưa bao quát được toàn bộ các nghiên cứu đã xuất bản. Những nghiên cứu tiếp theo có thể bổ sung thêm dữ liệu từ các nguồn khác để gia tăng tính khách quan của kết quả nghiên cứu.

Từ khóa: Ý kiến kiểm toán, báo cáo tài chính, phân tích trắc lượng, VOSviewer.

ABSTRACT

Audit opinion research plays an important role in the economy because financial statement information is a useful and indispensable source to connect businesses with investors. This paper provides extensive information on audit opinions, including authors, journals, countries, and references. Using Scopus data source from 1979 to March 28, 2024, with 834 audit opinion studies for bibliometric and content analysis with the support of VOSviewer software and Python software. Firstly, the article identified the top journals, articles, countries, and keywords based on various bibliometric metrics. Secondly, the paper also shows that by using modeling the research topic is shown in the main context of the research on audit opinion. However, this study only uses data from Scopus, thus the analysis results may not cover all published studies. Subsequent studies can add data from other sources to enhance the objectivity of the research results.

Keywords: Audit opinion, financial statement, bibliometric analysis, VOSviewer.

¹Trường Kinh tế, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

²Trung tâm đảm bảo chất lượng, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

*Email: phamthithuaoanh@hauai.edu.vn

Ngày nhận bài: 01/3/2025

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 08/4/2025

Ngày chấp nhận đăng: 28/6/2025

1. GIỚI THIỆU

Trong xu thế phát triển của nền kinh tế nhu cầu về các thông tin về tình hình tài chính của các công ty ngày càng tăng lên. Một nhu cầu vô cùng thiết yếu đối với người sử dụng báo cáo tài chính (BCTC). Tuy nhiên, do sự mâu thuẫn lợi ích giữa các bên mà chủ yếu là mâu thuẫn lợi ích giữa nhà đầu

tư và công ty muốn thu hút đầu tư mà phần nào đó BCTC được công bố đã bị bóp méo theo ý muốn của người lập và trình bày. Lý thuyết thông tin bất cân xứng chỉ ra rằng nhà quản lý thường có xu hướng cung cấp thông tin có lợi cho họ và các đối tượng khác không có điều kiện tiếp cận thông tin gốc nên khả năng sẽ đưa ra quyết định sai.

Kiểm toán ra đời nhằm giảm thông tin bất cân xứng đặc biệt là thông tin công bố về lợi nhuận, một trong những tiêu chí quan trọng thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư. Nhằm đảm bảo thông tin về lợi nhuận trong kỳ đáng tin cậy và có thể sử dụng được, vai trò của kiểm toán viên là phải phát hiện và ngăn ngừa các khoản điều chỉnh mà nhà quản lý có xu hướng thực hiện để đạt được mức lợi nhuận mong muốn trong quá trình kiểm toán của mình. Người sử dụng luôn kỳ vọng báo cáo kiểm toán là một sự đảm bảo tuyệt đối về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Họ cho rằng BCTC đã được kiểm toán phải chính xác. Nhưng kiểm toán là công việc có những hạn chế tiềm tàng như thông tin kế toán không thể chính xác do những ước tính kế toán; hay nếu doanh nghiệp cố tình gian lận, giấu thông tin, làm giả chứng từ thì kiểm toán viên sẽ khó phát hiện ra hoặc công việc và thời gian kiểm toán còn phụ thuộc vào mức phí. Với những hạn chế vốn có như vậy, dịch vụ kiểm toán chỉ cung cấp một mức đảm bảo hợp lý.

Trong bài báo này, chúng tôi sử dụng phương pháp phân tích trắc lượng thư mục và phân tích nội dung theo chủ đề, thông qua xem xét tài liệu nghiên cứu về ý kiến kiểm toán. Phân tích thư mục là một phương pháp định lượng mà chúng tôi sử dụng để phân tích một số lượng lớn các nghiên cứu ý kiến kiểm toán và phát hiện ra các xu hướng mới nổi trong việc phát hiện ý kiến kiểm toán. Cách tiếp cận này phù hợp với hướng dẫn được trình bày trong nghiên cứu [1] và phần mềm chúng tôi sử dụng là VOSviewer và Python.

Có nhiều cách tiếp cận nghiên cứu này, tuy nhiên, về mặt phương pháp luận, khá nhiều tác giả lựa chọn nghiên cứu ý kiến kiểm toán thông qua công cụ thư mục. Ngoài ra, tác giả cũng nhận thấy rằng mặc dù đã có một số nghiên cứu sử dụng công cụ đo thư mục để thực hiện phân tích ý kiến kiểm toán [1]. Tuy nhiên, nghiên cứu ý kiến kiểm toán vẫn là một chủ đề cần thiết, điều đặc biệt là mỗi nghiên cứu đều dựa trên những nguồn dữ liệu và cách tiếp cận riêng biệt. Chính vì vậy cần thiết phải có thêm các nghiên cứu tương tự để thực hiện các thống kê mô tả tình hình nghiên cứu ý kiến kiểm toán, phân tích và tìm hiểu các hướng nghiên cứu chính đã được thực hiện từ trước đến nay, từ đó xác định hướng nghiên cứu trong tương lai. Để làm rõ mục tiêu nghiên cứu, các câu hỏi nghiên cứu của chúng tôi như sau:

RQ1. Xu hướng các nghiên cứu được xuất bản về ý kiến kiểm toán từ năm 1979 đến năm 2024 là gì?

RQ2. Các từ khóa, chủ đề chính về ý kiến kiểm toán từ 1979 đến năm 2024 là gì?

RQ3. Những bài viết nào và tác giả có tỷ lệ trích dẫn cao nhất trong từng bối cảnh liên quan đến ý kiến kiểm toán?

RQ4. Những quốc gia nào cộng tác và có số lượng nghiên cứu được xuất bản cao nhất trong lĩnh vực ý kiến kiểm toán?

RQ5. Các tạp chí cộng tác như thế nào trong việc xuất bản các nghiên cứu liên quan đến ý kiến kiểm toán?

Dựa trên việc giải quyết các câu hỏi nghiên cứu đã nêu, chúng tôi hy vọng đóng góp vào tổng quan tài liệu một bức tranh toàn cảnh về nghiên cứu ý kiến kiểm toán bằng số liệu thống kê cho các học giả, nhà nghiên cứu, sinh viên và tất cả những người quan tâm cũng như các trường đại học và các quốc gia trên thế giới. Bài báo bao gồm năm phần: Sau phần giới thiệu, chúng tôi cung cấp nền tảng lý thuyết và xác định các khái niệm cơ bản của tổng quan tài liệu trong phần 2. Phần 3, chúng tôi mô tả phương pháp nghiên cứu và phương pháp xử lý dữ liệu. Phần 4, nhóm tác giả trình bày các kết quả nghiên cứu và thảo luận. Cuối cùng, chúng tôi kết luận những phát hiện và hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo trong phần 5.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

Kiểm toán là quá trình thu thập và đánh giá các bằng chứng về một thông tin nhằm xác định và báo cáo về sự phù hợp của thông tin này với các tiêu chuẩn được thiết lập. Quá trình kiểm toán phải được thực hiện bởi các kiểm toán viên đủ năng lực và độc lập" [2]. Do đó tất cả các cuộc kiểm toán đều phải kết thúc bằng một báo cáo để xác nhận những thông tin được kiểm toán là có phù hợp với những chuẩn mực đã được thiết lập hay không?

Theo ISA 200, mục đích của kiểm toán BCTC là làm tăng độ tin cậy của người sử dụng đối với BCTC, thông qua việc kiểm toán viên đưa ra ý kiến về việc liệu BCTC có được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với khuôn khổ về lập và trình bày BCTC được áp dụng hay không. Như vậy, sau khi kết thúc việc kiểm toán, kiểm toán viên cần trình bày ý kiến kiểm toán một cách rõ ràng bằng văn bản, trong đó nêu rõ cơ sở của ý kiến đó. Văn bản đó chính là báo cáo kiểm toán. Theo VSA 700 trước đây, báo cáo kiểm toán về BCTC là loại báo cáo bằng văn bản do kiểm toán viên và công ty kiểm toán lập và công bố để nêu rõ ý kiến chính thức của mình về BCTC của một đơn vị đã được kiểm toán. Báo cáo kiểm toán là một phương tiện truyền thông giữa kiểm toán viên và người sử dụng BCTC, nó cho thấy phần quan trọng nhất của hoạt động kiểm toán và thể hiện kết quả của việc đánh giá BCTC đến người sử dụng. Đối với kiểm toán viên, báo cáo kiểm toán là tài liệu trình bày các kết luận sau cùng về BCTC được kiểm toán, nên nó phải đúc kết được toàn bộ công việc

mà họ đã tiến hành. Đối với công chúng, báo cáo kiểm toán là sản phẩm cuối cùng quan sát được từ một quá trình không thể quan sát nên nó chứa thông tin cốt yếu cho những người sử dụng BCTC để đưa ra những quyết định kinh tế [3].

Theo Chuẩn mực kiểm toán quốc tế ISA/Việt Nam VSA 700 *Hình thành ý kiến kiểm toán và báo cáo kiểm toán về BCTC*, kiểm toán viên có thể đưa ra các dạng ý kiến kiểm toán sau:

- “*Ý kiến chấp nhận toàn phần*”: Là ý kiến được đưa ra khi kiểm toán viên kết luận rằng BCTC đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với khuôn khổ về lập và trình bày BCTC được áp dụng. Khi đơn vị có BCTC được kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần không có nghĩa là KTV bảo đảm rằng BCTC đó không tồn tại sai sót nào, mà chỉ bảo đảm không tồn tại sai sót trọng yếu.

- “*Ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần*”: Kiểm toán viên và công ty kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán dưới dạng ý kiến không phải ý kiến chấp nhận toàn phần khi kiểm toán viên kết luận rằng BCTC tổng thể vẫn còn sai sót trọng yếu hoặc kiểm toán viên không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để kết luận rằng BCTC nói chung không có sai sót trọng yếu.

Theo quy định của ISA/Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế Việt Nam VSA 705, “*Ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần*” bao gồm ba loại, đó là ý kiến ngoại trừ, ý kiến trái ngược và ý kiến từ chối đưa ra ý kiến. Ngoài ra, việc quyết định loại *ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần* nào là phù hợp còn phụ thuộc vào Bản chất của vấn đề dẫn đến sửa đổi, tức là liệu BCTC có sai sót trọng yếu hay không hoặc trong trường hợp không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp, có thể bị sai sót trọng yếu; và đánh giá của kiểm toán viên về mức độ ảnh hưởng lan tỏa hoặc những ảnh hưởng có thể có của vấn đề này đối với BCTC.

3. PHƯƠNG PHÁP VÀ DỮ LIỆU NGHIÊN CỨU

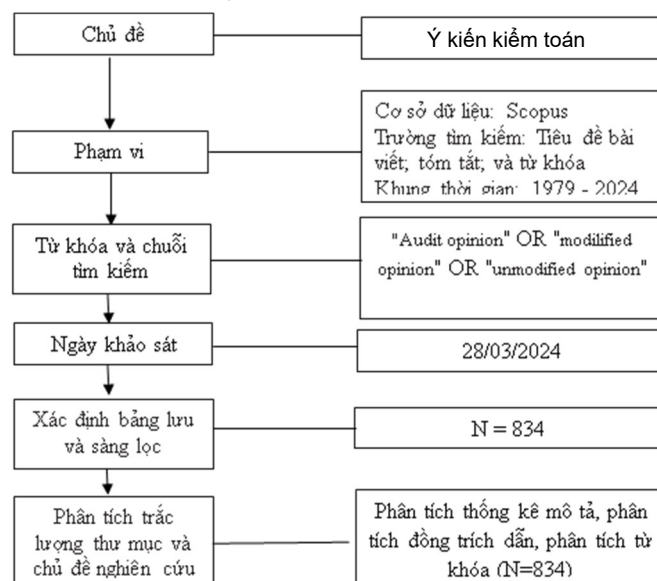
Trong nghiên cứu này, một khuôn khổ đã được giới thiệu kết hợp các kỹ thuật phân tích thư mục như tần số từ, phân tích từ đồng nghĩa và phân tích quyền đồng tác giả với phương pháp tiềm ẩn. Phương pháp mô hình hóa chủ đề được sử dụng để khám phá các chủ đề từ tiêu đề, từ khóa, tóm tắt từ các nghiên cứu về trong 27 năm qua.

Nguồn dữ liệu và phương án tìm kiếm

Phân tích trắc lượng thư mục được thực hiện bằng cách sử dụng cơ sở dữ liệu *Scopus* kể từ năm 1979 đến 2024. “*Audit opinion*” OR “*modified opinion*” OR

“*unmodified opinion*” là cụm từ tìm kiếm có trong tiêu đề, từ khóa của bài báo được sử dụng để tìm kiếm các bài báo đã xuất bản bằng Tiếng Anh liên quan đến nghiên cứu về chủ đề ý kiến kiểm toán. Nghiên cứu [4, 5] cho rằng, tiêu đề của bài báo là yếu tố đầu tiên mà người đọc sẽ quan sát. Tuy nhiên, để mở rộng phạm vi tìm kiếm nhóm tác giả lựa chọn phạm vi tìm kiếm theo tiêu đề bài báo, tóm tắt và các từ khóa liên quan trong trường tìm kiếm tài liệu thuộc trang chủ *Scopus*. Nó đại diện cho chủ đề liên quan có ý nghĩa với lĩnh vực nghiên cứu và mục tiêu của nghiên cứu. Nhóm tác giả đã tùy chỉnh tìm kiếm các nghiên cứu đã xuất bản từ năm 1979 đến 28/03/2024 để xác định các nghiên cứu về ý kiến kiểm toán.

Khai thác thông tin



Hình 1. Sơ đồ tìm kiếm

Hình 1 trình bày sơ đồ tìm kiếm của nhóm tác giả. Trong nghiên cứu này, tất cả các tài liệu đã được phân tích thư mục. Nhóm tác giả đã sử dụng (i) *Microsoft Excel* 2019 để tính toán tần suất và tỷ lệ phần trăm của các tài liệu đã xuất bản và để tạo các biểu đồ và đồ thị có liên quan; Ngoài ra, nhóm tác giả ứng dụng (ii) *VOSviewer* (phiên bản 1.6.19) và *Python* để tạo và trực quan hóa các mạng thư mục, cụm từ. Quan trọng là, nhóm tác giả đã loại trừ các loại tài liệu bị chỉnh sửa và rút lại để tránh việc đếm tài liệu trùng lặp hoặc đếm sai.

Dữ liệu nghiên cứu

Nhóm tác giả xác định được tổng cộng 834 tài liệu từ cơ sở dữ liệu *Scopus* dựa trên loại tài liệu và loại nguồn. Loại tài liệu có thể là bài báo, bài báo đánh giá, sách, chương sách. Bảng 1 tóm tắt cấu trúc của các danh mục theo từng loại tài liệu. Bài báo chiếm tỉ lệ 88,2% (736) trên tổng số tài liệu đã xuất bản, tiếp theo là các bài báo hội

thảo, chiếm 6,7% (56), chương sách ghi nhận với tỉ lệ 2,6% (22), sách chiếm 2,3% (19), còn lại là bài báo thương mại chiếm một tỉ lệ rất khiêm tốn là 0,1% (1).

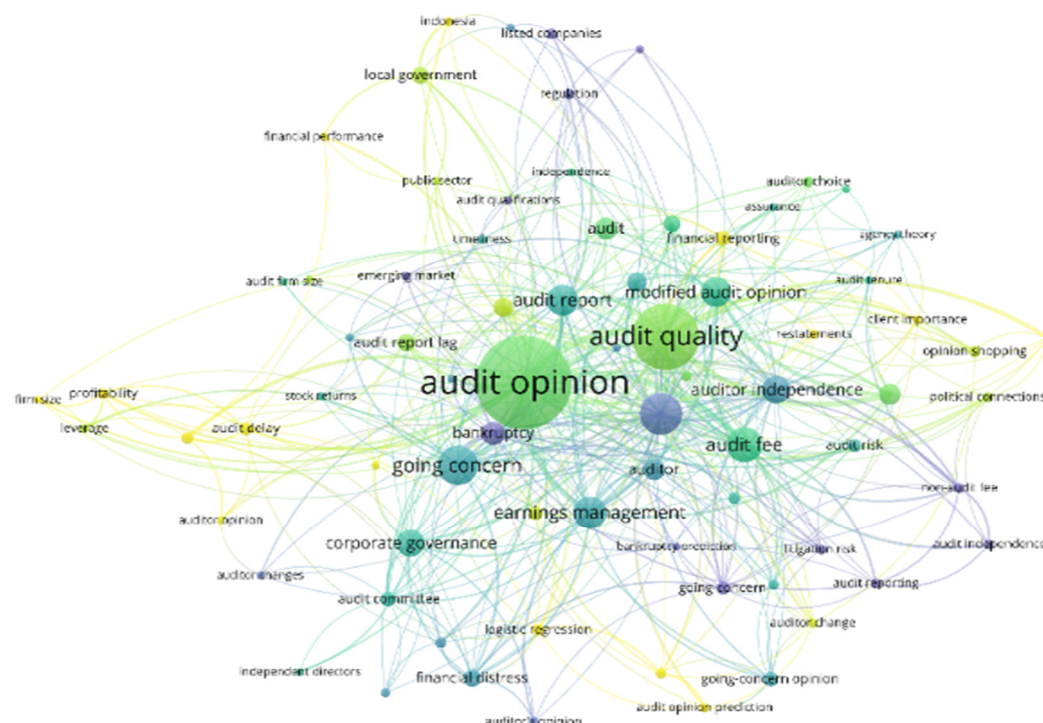
Bảng 1. Tổng hợp dữ liệu được truy xuất (1993 - 24/03/2024)

Loại tài liệu	Tổng nghiên cứu	Tỷ lệ (%)
Bài báo	736	88,2%
Bài báo hội thảo	56	6,7%
Chương sách	22	2,6%
Sách	19	2,3%
Bài báo thương mại	1	0,1%
Tổng cộng	834	100,0%

Thống kê các nghiên cứu dựa trên năm xuất bản giúp nhà nghiên cứu quan sát mô hình phát triển và mức độ phổ biến của đối tượng nghiên cứu theo thời gian [6]. Số lượng nghiên cứu đã tăng lên trong thời gian gần đây, trong giai đoạn 5 năm gần đây, trung bình số lượng nghiên cứu công bố về ý kiến kiểm toán khoảng 70 nghiên cứu (hình 2).

4.2. Kết quả nghiên cứu

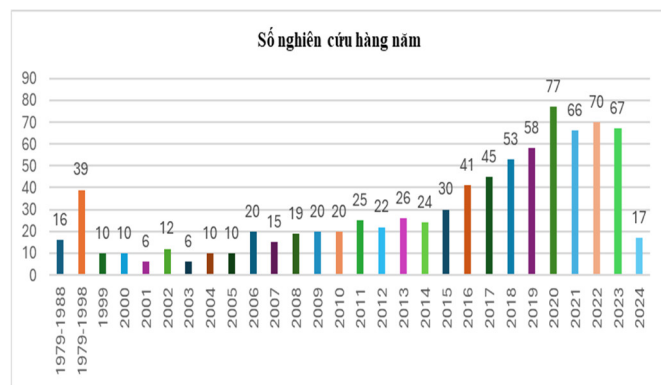
Thông qua việc lập bản đồ bằng kỹ thuật *VOSviewer* của từ khóa, với số lần xuất hiện tối thiểu là 10 tác giả nhận thấy rằng những từ khóa như chất lượng kiểm toán, hoạt động liên tục, phí kiểm toán, quản trị lợi nhuận, báo



A horizontal timeline bar with a color gradient from dark blue on the left to yellow on the right. Major tick marks are labeled with the years 2012, 2014, 2016, 2018, and 2020.

4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

4.1. Thống kê mô tả



Hình 2. Biểu đồ số lượng nghiên cứu từng năm

Hình 3. Trực quan hóa mạng lưới các từ khóa

cáo kiểm toán, ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần và phá sản doanh nghiệp là những từ khóa tác giả gặp nhiều nhất sau loại trừ các từ khóa chủ yếu liên quan đến truy vấn tìm kiếm (hình 3). Các hình tròn trong cùng một cụm màu gợi ý một chủ đề tương tự giữa các nghiên cứu. Mỗi hình tròn đại diện cho một lĩnh vực con của lĩnh vực nghiên cứu.

Với các chủ đề liên quan đến, tác giả tiến hành phân tích nội dung các chủ đề khác nhau dựa trên tần suất xuất hiện của từ khóa. Nhìn vào hình 4 có thể thấy rằng, các từ khóa được lặp lại nhiều nhất trong lĩnh vực từ năm 1979 đến năm 2024 bao gồm chất lượng kiểm toán, phí kiểm

Bảng 2. Tổng hợp 10 nghiên cứu có số lượng trích dẫn nhiều nhất

STT	Tác giả	Tiêu đề	Năm	Nguồn	Số lượng trích dẫn	Nhà xuất bản
1	DeFond M.L.; Raghunandan K.; Subramanyam K.R.	Do non-audit service fees impair auditor independence? Evidence from going concern audit opinions	2002	Journal of Accounting Research	746	Wiley-Blackwell Publishing Ltd
2	Reichelt K.J.; Wang D.	National and office-specific measures of auditor industry expertise and effects on audit quality	2010	Journal of Accounting Research	601	Wiley-Blackwell Publishing Ltd
3	Ashbaugh-Skaife H.; Collins D.W.; Kinney Jr. W.R.; LaFond R.	The effect of SOX internal control deficiencies and their remediation on accrual quality	2008	Accounting Review	557	American Accounting Association
4	Carey P.; Simnett R.	Audit partner tenure and audit quality	2006	Accounting Review	489	American Accounting Association
5	Ashbaugh-Skaife H.; Collins D.W.; Kinney Jr. W.R.; LaFond R.	The effect of SOX internal control deficiencies on firm risk and cost of equity	2009	Journal of Accounting Research	465	Wiley-Blackwell Publishing Ltd
6	Bradshaw M.T.; Richardson S.A.; Sloan R.G.	Do analysts and auditors use information in accruals?	2001	Journal of Accounting Research	413	Wiley-Blackwell Publishing Ltd
7	DeFond M.L.; Wong T.J.; Li S.	The impact of improved auditor independence on audit market concentration in China	1999	Journal of Accounting and Economics	384	Elsevier
8	Geiger M.A.; Raghunandan K.	Auditor tenure and audit reporting failures	2002	Auditing	361	American Accounting Association
9	Chen S.; Sun S.Y.J.; Wu D.	Client importance, institutional improvements, and audit quality in China: An office and individual auditor level analysis	2010	Accounting Review	308	American Accounting Association
10	Firth M.; Fung P.M.Y.; Rui O.M.	Ownership, two-tier board structure, and the informativeness of earnings - Evidence from China	2007	Journal of Accounting and Public Policy	307	Elsevier

toán, báo cáo kiểm toán, quản trị lợi nhuận, báo cáo kiểm toán ngoại trừ, quản trị công ty. Và những từ khóa này được hiển thị rõ nét trong biểu đồ đám mây của hình 4.



Hình 4. Trục quan các chủ đề theo từ khóa của các nghiên cứu

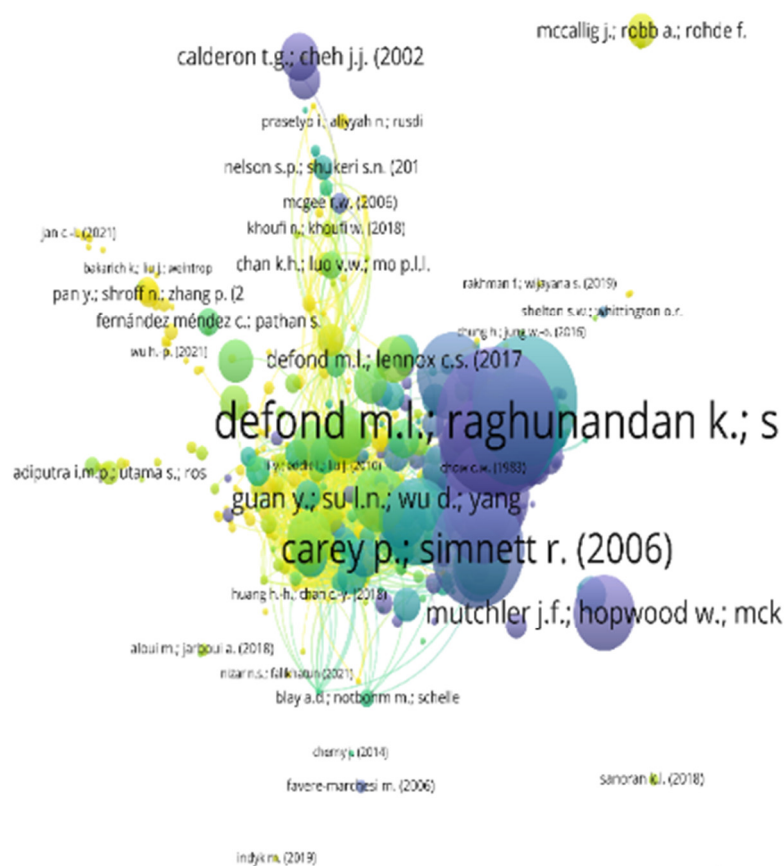
Trong phần này, nhóm nghiên cứu đã tổng hợp các tài liệu, các nghiên cứu trình bày về các chủ đề hoặc các vấn đề khác nhau liên quan đến ý kiến kiểm toán (hình 3 và 4). Từ việc xem xét tài liệu được thực hiện trong lĩnh vực nghiên cứu ý kiến kiểm toán trong 45 năm qua. Nhóm tác giả nhận thấy, chất lượng kiểm toán là vấn đề được quan tâm và được thảo luận rộng rãi trong nghiên cứu ý kiến kiểm toán. Bởi lẽ, Chất lượng kiểm toán sẽ cho biết cuộc kiểm toán do kiểm toán viên thực hiện hiệu quả hay không hiệu quả.

Theo chuẩn mực nghề nghiệp kiểm toán, một cuộc kiểm toán được coi là hợp lệ nếu đáp ứng được các quy định hoặc tiêu chuẩn, bao gồm cả việc đưa ra ý kiến. Khi kiểm toán viên đưa ra ý kiến thì ý kiến đó phải có đầy đủ bằng chứng kiểm toán hỗ trợ. Điều cần thiết là phải hiểu rằng ý kiến kiểm toán thích hợp không nhất thiết chỉ ra rằng chất lượng kiểm toán có thể tốt hơn. Ý kiến kiểm

toán có thể được hình thành thông qua ba yếu tố: hệ thống kiểm soát nội bộ [7, 8], tuân thủ pháp luật và các quy [9, 10]) và sự phù hợp của việc trình bày báo cáo tài chính với các chuẩn mực được chấp nhận rộng rãi. Tiếp theo, để làm rõ tính độc lập, khi kiểm toán viên tham gia kiểm toán phải có tính khách quan và thái độ hoài nghi nghề nghiệp cao [11]. Theo [12, 13], ý kiến kiểm toán gián đoạn bị ảnh hưởng đáng kể bởi chất lượng kiểm toán từng phần. Bên cạnh đó, kiểm toán viên đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện kiểm toán BCTC và trong vấn đề này, việc đưa ra ý kiến kiểm toán phù hợp đòi hỏi kiểm toán viên phải có năng lực chuyên môn và tuân thủ bằng chứng kiểm toán [14]. Hơn nữa, phí kiểm toán cũng là một chủ đề quan trọng trong các nghiên cứu về ý kiến kiểm toán. Các nghiên cứu kiểm toán cũng nhấn mạnh đến các ý kiến đã được sửa đổi và các ý kiến chưa được sửa đổi.

Accounting Research năm 2002 đã nhận được tổng cộng 746 trích dẫn và là bài báo có ảnh hưởng nhất dựa trên trích dẫn mỗi năm (35,5 trích dẫn/năm). Trong nghiên cứu [9, 11], các tác giả có năng suất cao nhất được trích dẫn nhiều thứ nhất và thứ hai. Tiếp theo là các nghiên cứu về hệ thống kiểm soát nội bộ [8, 15]. Các nghiên cứu tính độc lập, nhiệm kỳ của kiểm toán [16, 17] cũng được xem xét và quan tâm và được lớn của các nhà khoa học.

Các nhà nghiên cứu từ 70 quốc gia khác nhau đã đóng góp vào việc xuất bản các tài liệu được truy xuất từ năm 1979 đến năm 2024. 10 quốc gia hàng đầu đóng góp cho các nghiên cứu được liệt kê trong bảng 3. Hoa Kỳ đứng đầu với tổng số 231 (22,3%) nghiên cứu, tiếp theo là Trung Quốc bắt đầu xuất bản 151 (14,6%) và Indonesia 87 (8,4%) nghiên cứu.



Hình 5. Trực quan mạng lưới các trích dẫn

Các chủ đề của 10 bài báo được trích dẫn hàng đầu trong lĩnh vực được trình bày trong bảng 2 và hình 5. Bài báo nhận được trích dẫn cao nhất, “ý kiến kiểm toán” đã được xuất bản trên tạp chí Journal of

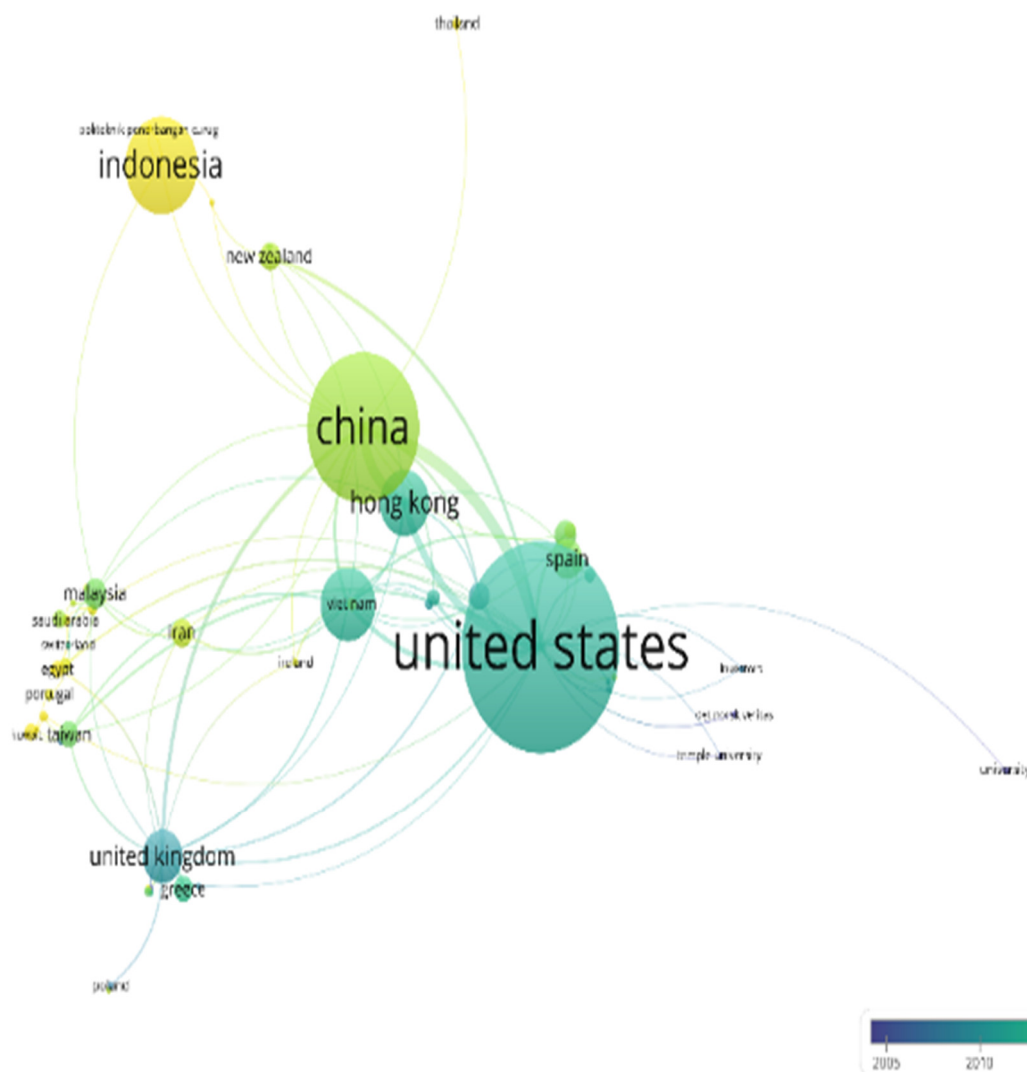
Bản đồ trực quan hóa mạng lưới hợp tác quốc tế giữa các quốc gia với năng suất tối thiểu 10 nghiên cứu. Độ dày của đường nối giữa hai quốc gia bất kỳ cho thấy sức mạnh của sự hợp tác. Các quốc gia có màu tương tự tạo thành một cụm. Cụ thể, các quốc gia có màu xanh lá như Hoa Kỳ, Canada, Australia.

Bảng 3. Tổng hợp 10 quốc gia có số lượng nghiên cứu nhiều nhất

STT	Quốc gia	Số công bố	Tỷ lệ
1	United States	231	22,3%
2	China	151	14,6%
3	Indonesia	87	8,4%
4	Australia	62	6,0%
5	Hong Kong	54	5,2%
6	United Kingdom	43	4,2%
7	Spain	29	2,8%
8	Malaysia	21	2,0%
9	South Korea	20	1,9%
10	Canada	19	1,8%

3	Journal of accounting and public policy	26	1290
4	Accounting and business research	17	506
5	International journal of auditing	16	289
6	Accounting review	15	2079
7	Sustainability (switzerland)	13	56
8	Journal of applied business research	13	87
9	Journal of accounting research	13	2833
10	Journal of accounting and economics	13	1954

Sẽ rất thuận lợi cho các nhà nghiên cứu khi biết tạp chí nào công bố rộng rãi về các chủ đề mà họ quan tâm. Điều

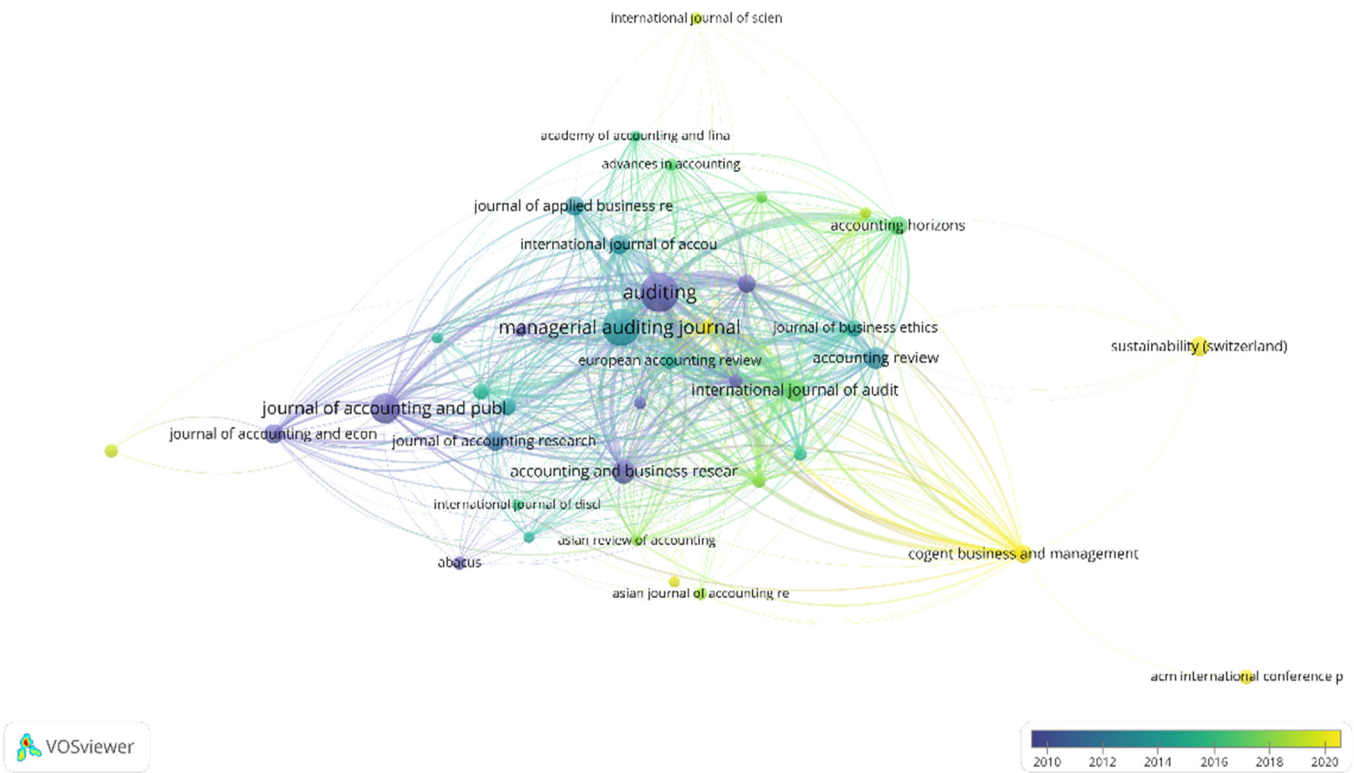


Hình 6. Trục quan mạng lưới các quốc gia

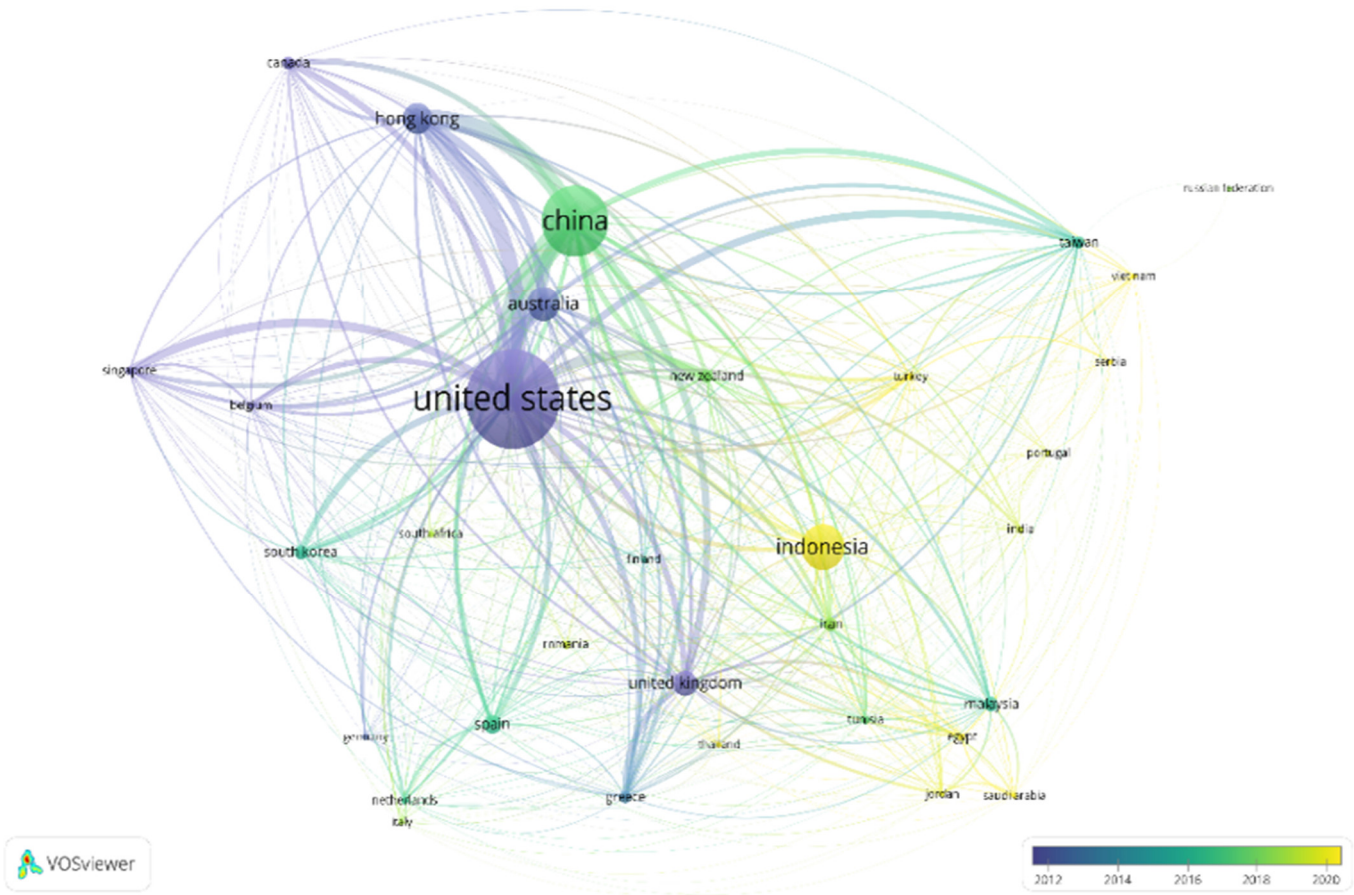
Bảng 4. Tổng hợp 10 tạp chí có số lượng nghiên cứu nhiều nhất

STT	Tạp chí/ Kỷ yếu	Số lượng	Trích dẫn
1	Auditing	40	2551
2	Managerial auditing journal	37	640

này giúp người nghiên cứu tiết kiệm thời gian tìm kiếm và lựa chọn các tạp chí phù hợp hỗ trợ nghiên cứu, đặc biệt là phần tổng quan lý thuyết. Bảng 4 cho thấy các tạp chí có nhiều ấn phẩm nhất về ý kiến kiểm toán. Hình 7 và 8 minh họa mạng lưới trích dẫn và nghiên cứu của các tạp chí và quốc gia.



Hình 7. Trục quan mạng lưới các tạp chí



Hình 8. Trục quan mạng lưới các tạp chí

5. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Bài báo này nhằm mục đích xem xét các tài liệu nghiên cứu liên quan đến chủ đề ý kiến kiểm toán từ năm 1979 đến năm 2024. Nghiên cứu đã được trích xuất từ cơ sở dữ liệu Scopus, sau khi sàng lọc các nghiên cứu, chúng tôi đã chọn ra 834 nghiên cứu để phân tích. Để phân tích tài liệu về chủ đề “ý kiến kiểm toán”, trước tiên chúng tôi sử dụng phương pháp đo thư mục và phát hiện rằng các bài báo được xuất bản trong gần ba thập kỷ qua có xu hướng tăng lên. Chúng tôi cũng chỉ ra 10 quốc gia hàng đầu có số lượng bài báo được xuất bản cao nhất. Kết quả cho thấy Hoa Kỳ, Trung Quốc, Indonesia là những quốc gia dẫn đầu về công bố có liên quan đến chủ đề “ý kiến kiểm toán”. Ngoài ra, các đồng tác giả Mỹ và Trung Quốc còn sự hợp tác nhiều hơn với các nước khác. Bước tiếp theo, chúng tôi xem xét các tạp chí và xác định những tạp chí hàng đầu có hơn 10 bài báo trong hơn 4 thập kỷ qua. Kết quả của chúng tôi cũng phát hiện rằng các tạp chí về Auditing, Managerial auditing journal, Journal of accounting and public policy có xu hướng xuất bản nội dung ngày càng tăng. Hơn thế nữa, chúng tôi cũng phân tích các từ khóa và kết quả cho thấy các từ khóa như chất lượng kiểm toán, phí kiểm toán, báo cáo kiểm toán, quản lý thu nhập, ý kiến sửa đổi và quản trị doanh nghiệp gần đây đã thu hút sự chú ý của các nhà nghiên cứu.

Với sự hỗ trợ của ứng dụng VOSviewer, bài báo này đã điều tra sâu và định lượng một chủ đề thú vị. Về mặt nào đó, bài báo này có thể coi là một minh chứng cho việc nghiên cứu một lĩnh vực mới một cách ngắn gọn và nhanh chóng. Trường hợp này đã cho thấy, VOSviewer phản ánh rất trực quan về kết quả phân tích đồng tác giả, đồng xuất hiện và trích dẫn. So với việc chỉ xem xét các tài liệu hiện có, phương pháp này không chỉ cho thấy sự phát triển của một chủ đề, các tác giả quan trọng và các bài phê bình một cách trực quan mà còn có thể dự đoán các xu hướng trong tương lai về chủ đề này. Những phát hiện này không chỉ cung cấp kiến thức nền tảng cơ bản về ý kiến kiểm toán cho độc giả quan tâm đến lĩnh vực mà còn cung cấp một khía cạnh nghiên cứu trực quan và định lượng cho các học giả có cùng hướng quan tâm nhằm lấp đầy khoảng trống nghiên cứu và phân tích thư mục.

Tuy nhiên, có một vài hạn chế đối với nghiên cứu trắc lượng thư mục này. Đầu tiên, dữ liệu được trình bày chỉ giới hạn trong cơ sở dữ liệu Scopus, tức là một phần mẫu xuất bản toàn cầu trong chủ đề này và nghiên cứu khoa học về dự kiến sẽ lớn hơn đáng kể. Thứ hai, dữ liệu trong nghiên cứu này là từ năm 1979 đến tháng 3 năm 2024 và

các nghiên cứu mới được công bố gần như mỗi ngày. Thứ ba, tác giả có thể đã loại trừ một số bài báo về ý kiến kiểm toán nếu các tác giả không đưa các mô tả bao gồm nghiên cứu của tác giả vào tiêu đề bài báo. Thứ tư, số lượng trích dẫn được áp dụng trong đánh giá tác động của nghiên cứu có thể không phản ánh trực tiếp chất lượng của từng nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nurhidayah N., Sudarma M., Djahmuri A., Atmini S., "Audit opinion research: overview and research agenda," *Cogent Business & Management*, 11, 1, 2301134, 2024.
- [2]. Arens A. A., Elder R. J., Beasley M. S., *Auditing and assurance services: an integrated approach*. Prentice Hall, 2012.
- [3]. Butler M., Leone A. J., Willenborg M., "An empirical analysis of auditor reporting and its association with abnormal accruals," *Journal of Accounting and Economics*, 37, 2, 139-165, 2004.
- [4]. Annesley T. M., "The title says it all," *Clinical Chemistry*, 56, 3, 357-360, 2010.
- [5]. Jamali H. R., Nikzad, M., "Article title type and its relation with the number of downloads and citations," *Scientometrics*, 88, 2, 653-661, 2011.
- [6]. Ahmi A., Mohd Nasir M. H., "Examining the trend of the research on extensible business reporting language (XBRL): A bibliometric review," *International journal of innovation, creativity and change*, 5, 2, 1145-1167, 2019.
- [7]. DeFond M. L., Lennox C. S., "Do PCAOB inspections improve the quality of internal control audits?," *Journal of Accounting Research*, 55, 3, 591-627, 2017.
- [8]. Ashbaugh-Skaife H., Collins D. W., Kinney Jr W. R., LaFond R., "The effect of SOX internal control deficiencies and their remediation on accrual quality," *The Accounting Review*, 83, 1, 217-250, 2008. doi: <https://doi.org/10.2308/accr.2008.83.1.217>.
- [9]. Reichelt K. J., Wang D., "National and office-specific measures of auditor industry expertise and effects on audit quality," *Journal of Accounting Research*, 48, 3, 647-686, 2010.
- [10]. Ha H. T. V., Hung D. N., Xuan N. T., "Corporate governance and the presence of female in the board of directors on audit quality in Vietnam," *Calitatea*, 24, 193, 314-321, 2023.
- [11]. DeFond M. L., Raghunandan K., Subramanyam K. R., "Do non-audit service fees impair auditor independence? Evidence from going concern audit opinions," *Journal of accounting research*, 40, 4, 1247-1274, 2002.
- [12]. Loretha O., "Analysis of the effect of liquidity, profitability, solvency and audit quality on going concern audit opinions on automotive and component companies listed on the indonesia stock exchange," *International Journal of Applied Finance and Business Studies*, 9, 4, 154-160, 2022.

[13]. Dang H. N., Hoang K., Vu V. T., Nguyen L. V., "Do socially responsible firms always disclose high-quality earnings? Evidence from an emerging socialist economy," *Asian Review of Accounting*, 29, 3, 291-306, 2021.

[14]. Thu O. P. T., Ngoc H. D., "Forecasting audit opinions on financial statements: statistical algorithm or machine learning?," *Electronic Journal of Applied Statistical Analysis*, 17, 1, 2024.

[15]. Ashbaugh-Skaife H., Collins D. W., Kinney Jr. W. R., LaFond, R., "The effect of SOX internal control deficiencies on firm risk and cost of equity," *Journal of Accounting research*, 47, 1, 1 - 43, 2009.

[16]. P. Carey, R. Simnett, "Audit partner tenure and audit quality," *The accounting review*, 81, 3, 653-676, 2006.

[17]. M. A. Geiger, K. Raghunandan, "Auditor tenure and audit reporting failures," *Auditing: A journal of practice & theory*, 21, 1, 67-78, 2002

AUTHORS INFORMATION

Pham Thi Thu Oanh¹, Hoang Thi Viet Ha¹, Dang Ngoc Hung²

¹School of Economics, Hanoi University of Industry, Vietnam

²Center for Quality Assurance, Hanoi University of Industry, Vietnam